

Vấn đề an ninh sinh thái: bối cảnh xuất hiện và phản ứng thực tế đối với khủng hoảng sinh thái

TS. TRẦN VIỆT HÀ - NGUYỄN LÊ TẤN DŨNG - TĂNG NGỌC KHÁNH

Học viện Cảnh sát nhân dân; Email:vietha12568@gmail.com

Tóm tắt: Khủng hoảng sinh thái toàn cầu kéo theo các nhân tố cơ bản phá hủy môi trường sống và đòi hỏi phải nhìn nhận chính sách an ninh sinh thái như một phương hướng nghiên cứu khoa học có tính đến tính đa diện của những vấn đề an ninh sinh thái, kinh nghiệm thế giới về an ninh sinh thái, các cách tiếp cận khác nhau với khủng hoảng của môi trường sống,... Bài viết luận giải về bối cảnh làm xuất hiện vấn đề “an ninh sinh thái” và những phản ánh thực tế với khủng hoảng sinh thái.

Từ khóa: sinh thái; an ninh sinh thái; khủng hoảng sinh thái.

1. Bối cảnh thực tế làm xuất hiện vấn đề “an ninh sinh thái”

Có thể khẳng định chắc chắn rằng, khủng hoảng sinh thái như việc phá vỡ liên tục trạng thái cân bằng giữa xã hội với tự nhiên, thể hiện ở sự suy thoái của môi trường tự nhiên và khả năng của các cơ cấu quản lý nhà nước và các cơ cấu quản lý khác, các cơ quan bảo vệ tự nhiên thoát ra khỏi trạng thái xuất hiện và phục hồi trạng thái cân bằng, chính là hoàn cảnh thực tế làm xuất hiện vấn đề về an ninh sinh thái. Nó mang đậm sắc thái chính trị vì, như nhà nghiên cứu K.Musakozi người Nhật Bản nói, “các nước phát triển là thủ lĩnh của quá trình bi đát này trong suốt hàng thế kỷ”⁽¹⁾.

Những biểu hiện cơ bản của khủng hoảng sinh thái là các nhân tố đe dọa cơ sở tự nhiên của sự sống con người và tác động tiêu cực đến phát triển xã hội: những biến đổi nguy hiểm của quỹ gen; mức độ bảo hiểm không đầy đủ về năng lượng, muối khoáng - nhiên liệu và lương thực cho phát triển; mất cân bằng dân số; ô nhiễm môi trường sống do các chất xa thải độc hại tăng lên,...

Khủng hoảng sinh thái có ba phương diện: Phương diện thứ nhất ghi nhận sự suy thoái của môi trường tự nhiên bao quanh; phương diện thứ hai gắn liền với vấn đề bảo đảm các tài nguyên thiên nhiên cho loài người; phương diện thứ ba động chạm tới vấn đề duy trì cân cân năng lượng chung trên Trái Đất. Dự báo hậu quả của khủng hoảng sinh thái, nhiều nhà khoa học cảnh báo nguy cơ chuyển biến của nó thành thảm họa sinh thái. Phương tiện để ngăn chặn nó thường được quan niệm

là việc sinh thái hóa chính trị, bảo đảm an ninh sinh thái, cả ở khu vực, cả trên toàn cầu, chúng trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của phát triển chính trị toàn cầu.

Khủng hoảng sinh thái là khủng hoảng của quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên bao quanh, là bước chuyển của sinh quyển sang trạng thái không hữu ích cho sự sống. Ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, loài người đã trải qua khủng hoảng của quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên bao quanh, do đó mà con người cần phải thay đổi phương thức hoạt động của mình để khắc phục tình trạng thiếu hụt các nguồn tài nguyên có thể khai thác (bước chuyển từ hoạt động săn bắn sang hoạt động sản xuất nông nghiệp, và từ đó là sang sản xuất công nghiệp, v.v. cùng với quá trình số lượng người tăng lên). Song, khủng hoảng sinh thái hiện nay chưa từng có tiền lệ trong lịch sử cả về động thái phát triển, cả về quy mô. Toàn bộ sinh quyển bị đe dọa hủy diệt do con người khai thác nó quá mức. Hiện tại, khủng hoảng vẫn còn mang tính chất thuận nghịch. Có thể hy vọng rằng nếu sức tải nhân tạo quá mức bị loại bỏ khỏi sinh quyển, thì trạng thái sinh thái thuận lợi sẽ được phục hồi. Tuy nhiên, nếu điều đó không diễn ra, thì khủng hoảng sinh thái sau một thời gian sẽ chuyển biến thành thảm họa sinh thái cùng với những biến đổi bất khả hồi của trạng thái sinh quyển. Động thái như vậy được dự báo ở giữa thế kỷ 21, song những dấu hiệu đầu tiên của biến đổi bất khả hồi trong sinh quyển về một số phương diện đã được ghi nhận. Chẳng hạn, đó là việc phá hủy màn chắn ozon trên các tầng khí quyển cao nhất, các tầng băng tan ra và tách ra ở Bắc cực và các

khu vực núi cao, giảm bớt nhanh chóng tính đa dạng của các loài trên Trái Đất⁽²⁾...

Vấn đề biến đổi nhân tạo trên Trái Đất mang tính chất đa phương diện. Nó trở nên đặc biệt gay gắt ở thế kỷ XX. Hiện nay, tổng số lượng chất thải nhân tạo trong nhiều trường hợp là ngang bằng, thậm chí vượt quá tổng số lượng các nguồn dự trữ tự nhiên. Dường như tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người đều mang tính chất nguy hiểm cho tự nhiên ở chừng mực lớn hay nhỏ. Ở thời đại giao tiếp toàn cầu, tình hình trở nên phức tạp hơn do đẩy nhanh tốc độ những biến đổi khoa học - kỹ thuật, gia tăng tính tích cực của con người. Toàn cầu hóa kinh tế thúc đẩy việc tạo ra những việc làm mới, xây dựng các xí nghiệp ở tất cả các quốc gia cùng với sức lao động phân hóa sâu sắc. Điều này có nghĩa rằng việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và những chi phí năng lượng đi liền với nó sẽ tiếp tục tăng lên nhanh hơn đáng kể dân số thế giới. Dân số thế giới cần phải tăng lên 2 lần kể từ năm 1990 đến năm 2050, theo dự báo của LHQ, thu nhập tính theo đầu người tăng lên 2,4 lần, tiêu thụ năng lượng - 2,6 lần, nước - 1,5 lần, tổng sản phẩm thế giới cần phải tăng lên 4,5 lần ở giai đoạn này⁽³⁾.

Quá trình suy thoái của môi trường sống trên hành tinh cũng đồng thời tăng lên. Ngay vào đầu những năm 1970, vấn đề sinh thái đã trở nên đặc biệt gay gắt ở các nước phát triển. Cư dân các đô thị lớn là những người đầu tiên cảm nhận thấy hậu quả của ô nhiễm mang tính thảm họa. Nhận thức của công luận, giới cầm quyền, đông đảo các tầng lớp dân cư trên khắp thế giới về nguy cơ sinh thái đã thu hút những công dân mới đại diện cho các tầng lớp dân số - xã hội và các nhóm nghề nghiệp vào hoạt động bảo vệ tự nhiên, tiết kiệm tài nguyên. Các nước công nghiệp phương Tây đã sớm vấp phải những hậu quả nguy hiểm của việc khai thác tự nhiên bất hợp lý. Sự xuất hiện phong trào bảo vệ tự nhiên ở các nước này ở những năm 1960-1970 thế kỷ XX bắt nguồn từ khủng hoảng của hệ thống công nghiệp.

2. Phản ứng thực tế đối với khủng hoảng sinh thái⁽⁴⁾

Phong trào bảo vệ tự nhiên ở Mỹ bắt đầu vào năm 1962, năm xuất bản "Mùa xuân im lặng". Vào những năm 1960, nó có quy mô rộng lớn và được luận chứng về mặt lý luận trong các bài viết và các cuốn sách của R.Carson, R.Dubeau, B.Commoner. Những biểu hiện mới và những nhân tố gây tiếng vang lớn của phong trào bảo vệ tự nhiên là Luật 1969 về chính sách quốc gia trong lĩnh vực môi trường sống; thành lập Tổng cục bảo vệ môi trường sống vào năm 1970; tuyên bố cuộc đấu tranh chống lại ô nhiễm môi trường là mục đích quốc

gia; thành lập hàng loạt tổ chức sinh thái xã hội; tuyên bố và tiến hành "Ngày Trái Đất" vào ngày 20 tháng 4 năm 1970; xuất bản tác phẩm "Giới hạn tăng trưởng" của G.Ch.Medous và D.L.Medous... Sự hình thành phong trào bảo vệ tự nhiên ở Đức gắn liền với phong trào "Sáng kiến của công dân", lúc đầu những thành viên của nó lên tiếng chống lại những hậu quả riêng biệt ở địa phương của công nghệ hiện đại nhất đang phát triển như vũ bão (ô nhiễm sông, hồ, nước ngầm và khí quyển do các chất thải độc hại của sản xuất công nghiệp), chống lại những hậu quả nguy hiểm đối với sức khỏe con người của việc xây dựng các nhà máy điện nguyên tử, v.v.

Những quá trình tương tự cũng diễn ra tại nhiều quốc gia Tây Âu khác, đặc biệt là cùng với tiềm năng công nghiệp lớn (Anh, Thụy Điển, Bỉ, Italia). Rốt cuộc chính phủ nhiều quốc gia Tây Âu, các đảng cầm quyền ở đó, các cơ quan chính quyền địa phương đã bắt buộc phải đưa những vấn đề bảo vệ tự nhiên và bảo tồn môi trường sống vào cương lĩnh chính trị của mình. Tính cấp thiết của các vấn đề sinh thái được Liên hiệp quốc thừa nhận. Các tổ chức sinh thái quốc tế đã xuất hiện. Chẳng hạn, đó là "Greenpeace" (Thế giới xanh), tổ chức xã hội quốc tế độc lập, đặt ra mục đích ngăn chặn suy thoái của môi trường sống. Nó được các cốt cán ở Mỹ và Canada thành lập vào năm 1971, có phân nhánh ở 25 quốc gia. Nguồn kinh phí cơ bản là những khoản đóng góp tự nguyện của tư nhân. "Greenpeace" đấu tranh chống lại thử nghiệm hạt nhân và nguy cơ phóng xạ, chống lại ô nhiễm môi trường do các chất thải công nghiệp, lên tiếng bảo vệ thế giới động vật biển,... Tác động đến dư luận xã hội, tiến hành các hoạt động phản đối độc lập, "Greenpeace" đã bắt buộc các chính phủ và các công ty công nghiệp phải thông qua quyết định về những vấn đề sinh thái cụ thể. Chúng được thảo luận tại nhiều hội nghị quốc tế của các tổ chức phi chính phủ, các nhà khoa học và đại diện của các tầng lớp xã hội rộng rãi nhất tham gia vào đó. Tuy nhiên, cương lĩnh và lời hứa của nhiều đảng và chính phủ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chủ yếu vẫn chưa được thực hiện. Một số thành tựu của "Sáng kiến của công dân" như cải thiện trạng thái nước và không khí ở các vùng riêng biệt, chấm dứt chôn lấp chất thải độc ở ven đô... không chỉ loại bỏ những vấn đề sinh thái mà xét về thực chất của mình, có tính chất toàn cầu. Chẳng hạn, ô nhiễm khí quyển do sa thải các chất khí độc hại đã gây ra "mưa axit" và hủy diệt rừng, thực vật ở các vùng cách xa hàng trăm và hàng nghìn km nơi gây ô nhiễm không khí.

Thái độ thất vọng của đông đảo các tầng lớp dân cư ở các nước phát triển đối với chính sách sinh thái của các chính phủ và các đảng chính trị đã chuyển biến phong trào bảo vệ tự nhiên thành phong trào sinh thái rộng rãi của phe chính trị đối lập, hợp nhất nhiều “phong trào xã hội mới”, trước hết là phong trào đấu tranh vì hòa bình và chấm dứt chạy đua vũ trang, với phong trào thanh niên và phụ nữ.

Có thể tách biệt hàng loạt giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển phong trào sinh thái ở phương Tây.

(1) Giai đoạn “phản kháng sinh thái” rộng rãi, hay giai đoạn báo nguy (nửa sau những năm 1960).

(2). Nhận thức của đông đảo công luận về tính chất phi dân chủ của nhiều phương diện trong chính sách bảo vệ tự nhiên của các giới cầm quyền (cuối những năm 1970).

(3) Chuyển biến phong trào bảo vệ tự nhiên ở các nước phương Tây từ phong trào xã hội thành phong trào sinh thái được chính trị hóa; xuất hiện các đảng “xanh” (đầu những năm 1980).

(4) Từ giữa những năm 1980, bên cạnh các đảng sinh thái khác, các đảng “xanh” bắt đầu quan tâm nhiều đến những vấn đề xã hội không trực tiếp liên quan đến việc giải quyết những vấn đề sinh thái.

(5) Cái gọi là “xanh hóa” tất cả các đảng là thắng lợi đáng kể nhất của các nhà sinh thái học (cuối những năm 1980 - đầu những năm 1990).

(6) Chuyển biến các đảng “xanh” thành lực lượng chính trị độc lập (nửa sau những năm 1990), điều này cho phép chúng tích cực tác động đến việc thực hiện chính sách sinh thái quốc gia, cũng như bảo đảm tổ chức quan hệ kinh tế - xã hội và tiến trình chính trị khi có tính đến các mệnh lệnh sinh thái.

Nhìn chung, các khuynh hướng hoạt động cơ bản của các phong trào sinh thái ở một chừng mực nhất định được trung gian hóa bởi tính chất của hệ thống chính trị đang tồn tại. Trong trường hợp hệ thống không tạo ra khả năng để thực hiện hoạt động xã hội và chính trị, thì các phong trào có thể trở nên cấp tiến, chuyển sang hoạt động bạo lực công khai, làm bất ổn tình hình ở trong nước. Đồng thời chủ nghĩa cấp tiến cũng có thể phục vụ làm chất xúc tác cho quá trình hình thành đảng chính trị mới. Đảng “Xanh” ở Đức đã giành thắng lợi đáng kể tại các cuộc bầu cử là minh chứng rõ ràng nhất cho nhận định nêu trên.

Tuy nhiên, hệ tư tưởng của phong trào sinh thái “xanh” không mang tính toàn vẹn. Các đặc trưng của

nó là tính đa dạng, tính phân hóa, tính mâu thuẫn, tính phức hợp. Phong trào sinh thái là các tổ chức không thuần nhất, thành phần của chúng bao gồm vô số nhóm độc lập có những nhiệm vụ của mình và được trang bị bởi hệ tư tưởng tương ứng.

3. Sự ra đời các hệ cơ bản trong lĩnh vực “an ninh sinh thái”

Sự phân hóa tư tưởng chính trị ở bên trong phong trào sinh thái diễn ra theo hàng loạt phương hướng. Trong số đó cần phải kể tới chủ nghĩa bảo thủ sinh thái, chủ nghĩa cách mạng sinh thái, chủ nghĩa cải cách (lương) sinh thái cùng với sắc thái xã hội chủ nghĩa hay tự do chủ nghĩa sâu sắc. Điều đó quyết định việc chính sách sinh thái định hướng vào các mô hình phát triển khác nhau.

Chủ nghĩa bảo thủ sinh thái bao gồm nhiều tư tưởng, bắt đầu từ tư tưởng của G.Grul cho tới các yếu tố phát xít mới. Cụ thể, nó đưa ra tư tưởng về bước ngoặt toàn cầu bắt nguồn từ các mệnh lệnh sinh thái. Những người ủng hộ nó khước từ nhiều quyền tự do nhằm ngăn chặn trạng thái hỗn loạn. Chỉ có thể né tránh tình trạng đó theo con đường thành lập chính phủ toàn cầu như chính phủ thực hiện “chuyên chính sinh thái”. Nhóm cực hữu của G.Grul (tác giả của “Cướp phá hành tinh: Những hậu quả khủng khiếp của nền chính trị Đức”) ở Đức đã xuất hiện trước khi thành lập đảng “Xanh”. Những người tham gia vào nó nhận thấy nguyên nhân của những vấn đề toàn cầu hiện đại là nền dân chủ mà, theo họ, không cho phép hạn chế tăng trưởng cao của sản xuất và tiêu dùng, giải thoát môi trường tự nhiên và loài người khỏi thảm họa sinh thái. Chỉ có việc thay thế nền dân chủ tư sản bằng “nền chuyên chính sinh thái” toàn trị mới có thể hạn chế sự tăng trưởng của sản xuất và tiêu dùng công nghiệp, bảo đảm “sự sống sót của nền văn minh phương Tây” trong cuộc chiến vì nguồn dự trữ nguyên liệu, nguồn năng lượng, đất đai màu mỡ, vì “không gian sinh sống” của cư dân Tây Âu trong điều kiện bùng nổ dân số tại các nước giải phóng và đang phát triển. G.Grul và các môn đệ của ông cố gắng phổ biến tư tưởng của mình trong đảng “Xanh”, song đã thất bại và rời bỏ đảng này, giữ lại tổ chức của riêng mình⁽⁵⁾.

Xét về phần lớn nội dung, có thể hợp nhất hai khuynh hướng khác trong phong trào sinh thái dưới tên gọi “*chủ nghĩa xã hội sinh thái*”. Nhà tương lai học nổi tiếng O.K.Flechtheim đưa thuật ngữ này vào tài liệu khoa học, tuyên bố vào những năm 1970-1980 rằng chỉ có thể coi người theo chủ nghĩa xã hội là người tư duy “toàn cầu, nhân văn và sinh thái”. Các đại diện của chủ

nghĩa xã hội sinh thái tiến hành phê phán tính bất hợp lý của nền kinh tế truyền thống, chế độ quản lý tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Các đại diện của chủ nghĩa xã hội sinh thái cách mạng xem xét các dự án đối lập của mình nhằm đưa ra đánh giá về tổ chức hợp lý nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, coi chúng là cơ sở cho những cải tạo dẫn tới việc xây dựng xã hội sinh thái. Chủ nghĩa xã hội sinh thái khác với chủ nghĩa xã hội truyền thống. Do vậy, mâu thuẫn cơ bản đối với chủ nghĩa xã hội truyền thống là mâu thuẫn giữa lao động với tư bản, giữa tính chất xã hội của lao động với hình thức tư nhân trong chiếm hữu sản phẩm, mâu thuẫn cơ bản đối với chủ nghĩa xã hội sinh thái là mâu thuẫn giữa phát triển lực lượng sản xuất với “hao mòn” môi trường sống. Nếu thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, vấn đề phân phối là quan trọng nhất đối với chủ nghĩa xã hội truyền thống, thì cải tạo các hình thức sinh hoạt sai lầm cho sản xuất tiết kiệm và tiêu dùng hợp lý nhằm mục đích khắc phục phát triển tập trung vào tăng trưởng kinh tế là quan trọng nhất đối với chủ nghĩa xã hội sinh thái. Phù hợp với quan điểm sinh thái, các cơ cấu quyền lực xã hội được xem xét không hẳn từ góc độ giai cấp, mà chủ yếu từ góc độ công cụ kỹ trị.

Trào lưu chiếm ưu thế trong phong trào sinh thái và đảng “xanh” là *chủ nghĩa cải cách sinh thái*. Gần gũi với nó là một số thành viên tả khuynh của các đảng dân chủ xã hội và xã hội chủ nghĩa. Khi đó cần lưu ý rằng khái niệm “chủ nghĩa xã hội sinh thái cải cách” hẹp hơn khái niệm “chủ nghĩa cải cách sinh thái” bao gồm cả các quan điểm phi xã hội chủ nghĩa về cải cách sinh thái. Chẳng hạn, người ta đưa ra các tư tưởng chủ nghĩa tư bản sinh thái về việc dung hòa xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại với chính sách cải cách sinh thái được đảng “xanh” ủng hộ⁽⁶⁾. Các nhà sinh thái học thường nhận thấy nguyên nhân của tình trạng khủng hoảng hiện nay là tăng trưởng kinh tế vô trách nhiệm, tiến bộ khoa học - kỹ thuật, lối sống hoang phí bắt nguồn từ nền văn minh công nghiệp. Từ đó, họ đặc biệt coi trọng các tư tưởng nếu không phải “chống tăng trưởng”, thì cũng là “tăng trưởng sinh thái” thuần túy do các mệnh lệnh sinh thái quy định. Các mệnh lệnh này đòi hỏi phải cải biến căn bản cơ sở kỹ thuật sản xuất của phát triển.

Nhiều nhà sinh thái học cho rằng sự đối lập giữa tăng trưởng kinh tế với chất lượng cuộc sống sẽ được giải quyết trong quan điểm về phát triển định hướng vào thích ứng sinh thái của xã hội. Trở ngại trong việc phân hóa chủ nghĩa cải cách sinh thái gắn liền với việc những người theo chủ nghĩa sinh thái và chủ nghĩa môi trường

có truyền thống vững chắc giới thiệu hệ thống tư tưởng của mình ở bên ngoài sự phân hóa truyền thống các trào lưu tư tưởng chính trị. Chẳng hạn, nhà nghiên cứu R.Paelke người Canada cho rằng chủ nghĩa môi trường không thuộc về cánh tả, không thuộc về phái hữu, đây là hệ tư tưởng nằm ngoài tính ổn định một chiều. Nếu cố gắng “quy giản” các tư tưởng sinh thái về các khuôn mẫu tư tưởng hệ, thì các mâu thuẫn trong hệ thống “con người – xã hội – tự nhiên” sẽ trở nên gay gắt, vì không một hệ tư tưởng riêng biệt nào có độc quyền về tư duy sinh thái học⁽⁷⁾.

Tuy nhiên, nếu lập trường như vậy có các căn cứ hoàn toàn khách quan cho tính phổ biến của các vấn đề sinh thái và khủng hoảng của tất cả các hệ thống giá trị trước kia, thì nó vẫn không thể được chấp nhận hoàn toàn, vì nó không làm biến mất những vấn đề và những mâu thuẫn trước kia từng đóng vai trò cơ sở cho đấu tranh chính trị. Các mệnh lệnh về sự sống còn, kể cả các mệnh lệnh tư tưởng hệ, chỉ ra giới hạn mà việc vượt ra khỏi đó là mang tính hủy diệt đối với nền văn minh. Trong điều kiện đó, đấu tranh chính trị có được các phương diện mới cùng với các phương án đối lập đa dạng./.

(1) K.Musakozzi (1991), *Ấn ý chính trị và văn hóa của xung đột và quản lý toàn cầu*, *Nghiên cứu chính trị*, №3, tr. 5.

(2) Xem: Toàn cầu học, tr. 1205.

(3) Xem: Trạng thái của thế giới năm 1999: Báo cáo của Viện WorldWatch về phát triển theo con đường dẫn tới xã hội bền vững. M., 2000; Toàn cầu học: Bách khoa toàn thư. M., 2003; WorldWatch Database Disk., 2000, Washington, 2000.

(4) Phong trào sinh thái theo nghĩa chung nhất là hệ thống những chủ thể xã hội độc lập, tự tổ chức, tự sinh xét về mặt chính trị - xã hội, hoạt động của nó định hướng vào việc tổ chức quan hệ kinh tế - xã hội và tiến trình chính trị khi có tính đến các mệnh lệnh sinh thái. Phong trào sinh thái có hai hình thức khác nhau ở việc lựa chọn các ưu tiên trong phương hướng hoạt động, cũng như các hình thức và các phương pháp thực hiện chúng: phong trào bảo vệ tự nhiên hợp nhất tất cả các tổ chức phi chính phủ, có mục đích cơ bản là hoạt động bảo vệ tự nhiên cụ thể - khoa học, ứng dụng và tuyên truyền; phong trào sinh thái được chính trị hóa bao gồm các tổ chức sinh thái được tổ chức về mặt chính trị, cũng như các nhóm sinh thái nằm trong thành phần của các liên minh có định hướng chính trị trong hoạt động rất đa dạng.

(5) Xem: Các quan điểm phi mác xít về chủ nghĩa xã hội. M., 1986, tr. 153-170.

(6) Xem: W.Bek. Xã hội rủi ro. Trên con đường dẫn tới một thời hiện đại khác. M., 2000.

(7) R.Paelke (1089), *Environmentalism and the Future of Progressive Politics*. New Haven, tr. 190-198.